

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Chính quy, thường xuyên)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên.
2. **Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DTK
3. **Địa chỉ các trụ sở** (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu):
Số 666, Đường 3/2, Phường Tích Lương, Tỉnh Thái Nguyên; Tel: (84)2083847145;
website: <https://www.tnut.edu.vn>; Email: office@tnut.edu.vn.
4. **Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://www.tnut.edu.vn>.
5. **Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 02083.847.359 hoặc 0912.847.588
6. **Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:**
 - <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>
 - <https://www.facebook.com/tnut.tuyensinh/>
7. **Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):
<https://www.tnut.edu.vn/blog/ba-cong-khai-16000000>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

1. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Là học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên; đáp ứng các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Nhà trường tuyển sinh dựa vào xét tuyển theo 4 phương thức:

Phương thức 1: Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (Mã xét tuyển: 100).

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT (Mã xét tuyển: 200).

Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) trên máy tính (Mã xét tuyển: 417).

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng thí sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Mã xét tuyển: 301).

1.3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

1.3.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

***. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Dựa vào điểm thi của thí sinh trong kỳ thi TN THPT năm 2026, Nhà trường sẽ xác định và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT. Riêng đối với ngành Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch phải có tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT phải thuộc nhóm 25% thí sinh có điểm của tổ hợp môn xét tuyển cao nhất toàn quốc; đồng thời phải thuộc nhóm 20% thí sinh có điểm môn toán cao nhất toàn quốc (theo số liệu do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố năm 2026).

***. Điểm xét tuyển:**

- Điểm thi TN THPT 2026 = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3

- Điểm xét tuyển = Điểm thi TN THPT 2026 + điểm UT (nếu có)

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

***. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).**

1.3.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

***. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Dựa vào kết quả học tập trong học bạ THPT theo các tổ hợp xét tuyển, Nhà trường sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

***. Điểm xét tuyển:**

- Điểm trung bình chung của môn xét tuyển (TBC) = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12)/3.

- Điểm học bạ = Điểm TBC môn 1 + Điểm TBC môn 2 + Điểm TBC môn 3 + điểm UT (nếu có).

- Điểm xét tuyển học bạ (quy đổi tương đương), Nhà trường sẽ xác định và công bố theo hướng dẫn và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong đó:

- + Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.
- + Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.
- + Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

***. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).**

1.3.3. Xét tuyển thẳng: Theo quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và của Bộ GD&ĐT.

1.3.4. Xét theo V-SAT trên máy tính

***. Ngưỡng đảm bảo chất lượng:**

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên. Dựa vào kết quả đánh giá đầu vào đại học (V-SAT) trên máy tính theo các tổ hợp xét tuyển, Nhà trường sẽ xác định ngưỡng điểm quy đổi tương đương và công bố theo quy định của Bộ GD&ĐT.

***. Điểm xét tuyển:**

Quy đổi điểm tương đương:

Nhà trường sẽ thực hiện quy đổi tương đương theo điểm từng môn, tổ hợp xét tuyển và công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng và điểm trúng tuyển quy đổi tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Thái Nguyên dựa trên kết quả của kỳ thi V-SAT do Đại học Thái Nguyên tổ chức và phổ điểm điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026.

Trong đó:

+ Điểm quy đổi tương đương được Nhà trường thực hiện theo bảng quy đổi điểm V-SAT do Đại học Thái Nguyên hướng dẫn và ban hành.

+ **Điểm xét tuyển (quy đổi tương đương) = Điểm môn 1 quy đổi tương đương + Điểm môn 2 quy đổi tương đương + Điểm môn 3 quy đổi tương đương + điểm UT (nếu có)**

+ Điểm xét tuyển không vượt quá 30 điểm.

***. Điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp).**

1.3.5. Ghi chú

- Điểm trúng tuyển được quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển.
- Nguồn xét tuyển: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử

dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu (Số lượng TS)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.1	KTC	Cơ khí chế tạo máy	7520103	Kỹ thuật cơ khí	200	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
1.2	KTC1	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	7520103	Kỹ thuật cơ khí	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
2.1	KDO1	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	

2.2	KDO2	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
3.1	CTO	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	280	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
3.2	CTO1	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	70	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
4.	KCT	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	290	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	

5.1	CBM	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	100	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01;C01) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01;C01) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01;C01) - Phương thức 4	
5.2	KVT	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	100	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
6.	KMT	Kỹ thuật máy tính	7480106	Kỹ thuật máy tính	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
7.	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	550	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	

8.	KTD	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện	120	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
9.	KXD	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
10.	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Kinh tế công nghiệp	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 4	Các tổ hợp A10; D84 đối với thí sinh TN trước 2025

11.1	QLC	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	80	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 4	Các tổ hợp A10; D84 đối với thí sinh TN trước 2025
11.2	QLC1	Logistics	7510601	Quản lý công nghiệp	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84)) - Phương thức 4	Các tổ hợp A10; D84 đối với thí sinh TN trước 2025
12.	CTM	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
13.	CDT	Công nghệ kỹ	7510301	Công	298	- Phương thức 1 (Tổ	

		thuật điện, điện tử		nghệ kỹ thuật điện, điện tử		hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
14.	KVL	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Kỹ thuật vật liệu	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
15.	KTM	Quản lý môi trường công nghiệp và đô thị	7520320	Kỹ thuật môi trường	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; B03; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; B03; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; B03; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
16.	NNA	Tiếng Anh Khoa học và Công nghệ	7220201	Ngôn ngữ Anh	42	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A01, D01, D07, D10, D14, D15) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A01, D01, D07, D10, D14, D15) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A01, D01, D07, D10, D14, D15) - Phương thức 4	
17.	CDK	Công nghệ kỹ	7510303	Công	350	- Phương thức 1 (Tổ	

		thuật điều khiển và tự động hóa		nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
18.1	CTC	Công nghệ sản xuất tự động	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	85	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
18.2	CKM	Công nghệ khuôn mẫu	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	50	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
18.3	CKS	Công nghệ cơ khí số	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
19.	CTT	Tự động hóa	7905218	Kỹ thuật	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01;	

		cơ khí – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh		cơ khí (CTTT)		C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
20.	DTT	Hệ thống điều khiển công nghiệp – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905228	Kỹ thuật điện (CTTT)	30	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
21.	KRB	Kỹ thuật Robot	7520107	Kỹ thuật Robot	40	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	
22.	KDT	Kỹ thuật điện, điện tử	7520215	Kỹ thuật điện, điện tử	60	- Phương thức 1 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 2 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 3 (Tổ hợp: A00; A01; C01; C02; D01; D07) - Phương thức 4	

Ghi chú các tổ hợp:

Tổ hợp A00: Toán, Lý, Hóa

Tổ hợp A01: Toán, Lý, Tiếng Anh

Tổ hợp A10: Toán, Lý, GDCD (Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025)

Tổ hợp B03: Toán, Văn, Sinh

Tổ hợp C01: Toán, Văn, Lý

Tổ hợp C02: Toán, Văn, Hóa

Tổ hợp D01: Văn, Toán, Tiếng Anh

Tổ hợp D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh

Tổ hợp D10: Toán, Địa, Tiếng Anh

Tổ hợp D14: Văn, Sử, Tiếng Anh

Tổ hợp D15: Văn, Địa, Tiếng Anh

Tổ hợp D84: Toán, GDCD, Tiếng Anh (Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2025)

Tổ hợp X05: Toán, Lý, GDKTPL (Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025)

Tổ hợp X25: Toán, GDKTPL, Tiếng Anh (Thí sinh tốt nghiệp THPT từ năm 2025)

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

1.5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Lấy điểm từ trên xuống đến hết chỉ tiêu. Nếu các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách trúng tuyển thì thứ tự ưu tiên như sau: Ưu tiên điểm môn chính (Toán; riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh: tiếng Anh) trong tổ hợp ĐKXT.

1.5.2. Điểm cộng: Cộng điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng theo quy định.

1.5.3. Điểm quy đổi ngoại ngữ

Nhà trường thực hiện quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ môn Tiếng Anh tương đương điểm thi tốt nghiệp THPT (cho các đối tượng được miễn thi tốt nghiệp môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026) như trong bảng sau:

STT	Tiếng Anh IELTS	Điểm quy đổi
1	5.0	8.0
2	5.5	8.5
3	6.0	9.0
4	6.5	9.5
5	7.0 - 9.0	10

1.6. Tổ chức tuyển sinh

a) Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt đối với các phương thức xét tuyển

TT	Nội dung	Thời gian		
		Đợt 1	Đợt 2 (nếu còn chỉ tiêu)	Đợt 3 (nếu còn chỉ tiêu)
1	Nhận hồ sơ xét tuyển	Trước 21/6/2026 (Xét tuyển thẳng)	22/8-21/9/2026	01/10- 15/10/2026
2	Thông báo kết quả xét tuyển		Trước 28/9/2026	Trước 20/10/2026
3	Thí sinh thực hiện đăng ký xét tuyển trên phần mềm của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bắt buộc đối với tất cả các thí sinh)	Theo quy định của Bộ GD&ĐT		
4	Thí sinh xác nhận nhập học	Trước 17h00 21/8/2026	Trước 5/10/2026	Trước 27/10/2026

b. Đối với xét tuyển thẳng

- Cách đăng ký xét tuyển thẳng:

+ Thí sinh nộp trực tiếp về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT - Cổng chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588.

+ Hoặc chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, tỉnh. Thái Nguyên., trước 17h00 ngày 15/6/2026 (tính theo dấu bưu điện).

- Công bố kết quả và đăng ký xét tuyển chính thức:

+ Trường sẽ công bố kết quả xét tuyển thẳng trước 17h00 ngày 20/6/2026 tại địa chỉ <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>. Sau khi có kết quả xét tuyển là "*đủ điều kiện trúng tuyển trừ điều kiện tốt nghiệp THPT*", từ ngày 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/7/2026 thí sinh phải thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/> và hướng dẫn nhập học tại địa chỉ <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>.

+ Thí sinh không đăng ký xét tuyển thẳng tại Trường mà vẫn đăng ký nguyện vọng trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT sẽ không được công nhận kết quả xét tuyển thẳng.

1.7. Chính sách ưu tiên

Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển:

Các chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Điều 7 trong Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

1.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Lệ phí xét tuyển các đợt bổ sung: 20.000 đồng /01 nguyện vọng.

1.9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

Nhà trường cam kết thực hiện đúng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giải quyết kịp thời các khiếu nại (nếu có) và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, có trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

1.10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

Học phí: Năm học 2025 - 2026:

- Các ngành đại trà Kinh tế công nghiệp, Quản lý công nghiệp và Ngôn ngữ Anh: 15.900.000 đồng/năm. Các ngành đại trà còn lại: 18.500.000 đồng/năm.

- Riêng đối với 02 chương trình tiên tiến, các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh: học phí được tính bằng 1,5 lần học phí chương trình đại trà.

Mức tăng và lộ trình tăng học phí các năm học tiếp theo của Trường căn cứ vào các Quy định hiện hành của Nhà nước (Nhà trường sẽ có thông báo sau).

Chi tiết tại: <https://www.tnut.edu.vn/quyet-dinh-ban-hanh-quy-dinh-muc-hoc-phi-nam-hoc-2025-2026-cac-he-dao-tao-trinh-do-dao-tao-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-ky-thuat-cong-nghiep-dz20085.html>.

1.11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất (<https://www.tnut.edu.vn/blog/ba-cong-khai-16000000>)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	CTT	Tự động hóa cơ khí – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905218	Kỹ thuật cơ khí (CTTT)	Điểm thi TN THPT	15	11	18/30	30	2	18/30	
					Điểm học bạ THPT	15	6	20/30		47	18/30	
2.	DTT	Kỹ thuật điện – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905228	Kỹ thuật điện (CTTT)	Điểm thi TN THPT	15	12	18/30	30	2	17/30	
					Điểm học bạ THPT	15	8	20/30		21	17/30	

3.1	KTC	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Kỹ thuật cơ khí	Điểm thi TN THPT	95	79	16/30	200	17	20,25/30	
					Điểm học bạ THPT	95	97	19/30		202	20,25/30	
3.2	KTC1	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	7520103	Kỹ thuật cơ khí	Điểm thi TN THPT	x	x	x	50	3	19/30	
					Điểm học bạ THPT	x	x	x		73	19/30	
					Đánh giá V-SAT	x	x	x		1	19/30	
4.	KCT	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	Điểm thi TN THPT	270	140	17/30	380	9	22/30	
					Điểm học bạ THPT	120	171	21/30		364	22/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	x		1	22/30	
5.	KVL	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Kỹ thuật vật liệu	Điểm thi TN THPT	15	3	16/30	30	3	16/30	
					Điểm học bạ THPT	15	14	18/30		13	16/30	

6.	KTD	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện	Điểm thi TN THPT	115	79	16/30	230	7	20,25/30	
					Điểm học bạ THPT	115	151	18/30		202	20,25/30	
7.1	CBM	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	Điểm thi TN THPT	15	25	24/30	80	4	24,5/30	
					Điểm học bạ THPT	15	24	24/30		95	24,5/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	x		1	24,5/30	
7.2	KVT	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	Điểm thi TN THPT	30	18	16/30	110	4	19,25/30	
					Điểm học bạ THPT	30	63	19/30		117	19,25/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	x		1	19,25/30	
8.	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi TN THPT	225	172	19/30	700	19	22,75/30	
					Điểm học bạ THPT	225	382	22/30		708	22,75/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	x		4	22,75/30	

9	KTM	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	Điểm thi TN THPT	20	5	16/30	30	0	x	
					Điểm học bạ THPT	20	11	18/30		18	15/30	
10.1	KDO1	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Điểm thi TN THPT	20	8	16/30	30	4	16/30	
					Điểm học bạ THPT	20	22	19/30		38	16/30	
10.2	KDO2	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	Điểm thi TN THPT	x	x	x	30	0	x	
					Điểm học bạ THPT	x	x	x		9	16/30	
11	KRB	Kỹ thuật Robot	7520107	Kỹ thuật Robot	Điểm thi TN THPT	15	16	17/30	30	3	16/30	
					Điểm học bạ THPT	15	8	20/30		38	16/30	
12.	KXD	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Điểm thi TN THPT	20	8	16/30	30	3	16/30	
					Điểm học bạ THPT	20	14	18/30		33	16/30	
13.	CTM	Công nghệ	7510202	Công nghệ	Điểm thi	25	12	16/30	60	9	16/30	

		chế tạo máy		chế tạo máy	TN THPT							
					Điểm học bạ THPT	25	37	18/30		74	16/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	X		2	16/30	
14.	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điểm thi TN THPT	250	99	17/30	420	12	20,5/30	
					Điểm học bạ THPT	120	285	19/30		390	20,5/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	X		2	20,5/30	
15.1	CTO	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi TN THPT	220	114	19/30	300	12	19,5/30	
					Điểm học bạ THPT	120	204	22/30		306	19,5/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	X		1	19,5/30	
15.2	CTO1	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Điểm thi TN THPT	x	x	x	150	4	18/30	
					Điểm học bạ THPT	x	x	x		69	18/30	
					Đánh giá V-SAT	x	x	x		0	x	
16.1	QLC	Quản lý	7510601	Quản lý	Điểm thi	20	20	16/30	80	0	x	

		công nghiệp		công nghiệp	TN THPT							
					Điểm học bạ THPT	25	68	21/30		130	19/30	
16.2	QLC1	Logistics	7510601	Quản lý công nghiệp	Điểm thi TN THPT	x	x	x	30	0	x	
					Điểm học bạ THPT	x	x	x		63	17/30	
17.	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Kinh tế công nghiệp	Điểm thi TN THPT	25	8	16/30	50	x	16/30	
					Điểm học bạ THPT	25	31	20/30		40	16/30	
18.	CTC	Công nghệ sản xuất tự động	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Điểm thi TN THPT	40	27	17/30	130	6	20/30	
					Điểm học bạ THPT	30	46	20/30		142	20/30	
19.	CDK	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Điểm thi TN THPT	280	221	19/30	480	13	22,5/30	
					Điểm học bạ THPT	170	268	22/30		450	22,5/30	
					Đánh giá V-SAT	10	0	X		0	x	
20.	NNA	Ngôn ngữ	7220201	Ngôn ngữ	Điểm thi	15	16	17/30	40	1	16/30	

		Anh		Anh	TN THPT							
					Điểm học bạ THPT	15	14	20/30		25	16/30	
21.	KMT	Kỹ thuật máy tính	7480106	Kỹ thuật máy tính	Điểm thi TN THPT	50	42	17/30	120	7	19,5/30	
					Điểm học bạ THPT	50	54	21/30		110	19,5/30	

2. Tuyển sinh đào tạo đại học liên thông chính quy

2.1. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

2.1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển: Theo kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp cao đẳng.

2.1.3. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>
1.	Đại học	7520216	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	40
2.	Đại học	7510202	CTM	Công nghệ chế tạo máy	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	15
3.	Đại học	7510301	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	50
4.	Đại học	7510205	CTO	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	20

2.1.5. Ngưỡng đầu vào

Xét tuyển theo kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp cao đẳng: Thí sinh có kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp cao đẳng từ loại Trung bình trở lên.

2.1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2026 đến 30/11/2026

- Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT - Cổng chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:
- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).
- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng, cao đẳng nghề.
- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT.
- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.
- 02 ảnh 3x4.
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét tuyển, thi tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng

2.1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

- Các đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh theo qui định. Điểm ưu tiên, khu vực tuyển sinh và đối tượng ưu tiên theo qui định hiện hành.

2.1.9. Lệ phí xét tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/01-30/2/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2026
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/4-30/6/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2026
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 16/7-30/11/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2026

2.2. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp đại học

2.2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp một văn bằng đại học.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.2.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.2..3. Phương thức tuyển sinh: Thực hiện xét tuyển theo kết quả xếp loại của bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất.

2.2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Đại học	7510205	CTO	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	500	Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất	10

2.2.5. Ngưỡng đầu vào.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất xếp loại từ trung bình trở lên.

- Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Có một bằng tốt nghiệp đại học.

2.2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại liên lạc: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn;

Website: <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>

Chi tiết tại: <https://www.tnut.edu.vn/blog/ba-cong-khai-16000000>.

2.2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2026 đến 30/11/2026

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT – Cổng chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm tuyển sinh và truyền thông, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp văn bằng đại học thứ 1

- Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT.

- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.

- 02 ảnh 3x4.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

2.2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

Các đối tượng được ưu tiên trong tuyển sinh theo qui định. Điểm ưu tiên, khu vực tuyển sinh và đối tượng ưu tiên theo qui định hiện hành.

2.2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 01/01-30/02/2026 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2026
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 01/4-30/6/2026 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2026
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển/thi tuyển: 16/7-30/11/2026 - Tổ chức xét tuyển/thi tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2026

2.3. Thông tin tuyển sinh 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024			Năm tuyển sinh 2025		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Phương thức khác	70	53	Bằng TN	40	0	Bằng TN
2	CTM	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Phương thức khác	10	0	Bằng TN	10	0	Bằng TN
3	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Phương thức khác	50	113	Bằng TN	50	56	Bằng TN
4	CTO	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	7510205	Phương thức khác	50	19	Bằng TN	30	0	Bằng TN

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO KẾT HỢP TRỰC TIẾP VÀ TỪ XA (VLVH)

1. Tuyển sinh đào tạo đại học trực tiếp kết hợp từ xa (với đối tượng tốt nghiệp THPT)

1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

Là học sinh đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên; đáp ứng các quy định về sức khỏe và các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong **Tuyển sinh đào tạo đại học trực tiếp kết hợp từ xa (với đối tượng tốt nghiệp THPT)**

1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển): Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7520201	KTD	Kỹ thuật điện	200	Học bạ THPT	30
2	Đại học	7520216	TDH	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	200	Học bạ THPT	30
3	Đại học	7510301	CDT	Công nghệ KT điện, điện tử	200	Học bạ THPT	30
4	Đại học	7520320	KTM	Kỹ thuật môi trường	200	Học bạ THPT	10

1.5. Ngưỡng đầu vào.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Có tổng điểm trung bình chung học bạ THPT lớp 10, 11 và 12 của 3 môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển đạt từ 15 điểm trở lên (theo thang điểm 10), cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của năm thực hiện xét tuyển.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

Trung tâm tuyển sinh và truyền thông - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại liên lạc: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn;

Website: <https://www.tnut.edu.vn/tuyen-sinh.html/>;

Chi tiết tại: <https://www.tnut.edu.vn/blog/ba-cong-khai-16000000>.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian tuyển sinh: Từ 01/01/2026 đến 30/11/2026.

- Hồ sơ tuyển sinh gồm:
 - + Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).
 - + Bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT, Học bạ THPT (sao chứng thực).

+ Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Tổ hợp xét tuyển:

a. Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa	Mã tổ hợp: A00	Ưu tiên: Toán
b. Tổ hợp 2: Toán, Lý, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: A01	Ưu tiên: Toán
c. Tổ hợp 3: Văn, Toán, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: D01	Ưu tiên: Toán
d. Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: D07	Ưu tiên: Toán
e. Tổ hợp 5: Toán, Văn, Lý	Mã tổ hợp: C01	Ưu tiên: Toán
f. Tổ hợp 6: Toán, Văn, Hóa	Mã tổ hợp: C02	Ưu tiên: Toán

Riêng ngành Kỹ thuật môi trường:

a. Tổ hợp 1: Toán, Lý, Hóa	Mã tổ hợp: A00	Ưu tiên: Toán
b. Tổ hợp 2: Toán, Văn, Sinh	Mã tổ hợp: B03	Ưu tiên: Toán
c. Tổ hợp 3: Văn, Toán, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: D01	Ưu tiên: Toán
d. Tổ hợp 4: Toán, Hóa, Tiếng Anh	Mã tổ hợp: D07	Ưu tiên: Toán
e. Tổ hợp 5: Toán, Văn, Lý	Mã tổ hợp: C01	Ưu tiên: Toán
f. Tổ hợp 6: Toán, Văn, Hóa	Mã tổ hợp: C02	Ưu tiên: Toán

1.8. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.9. Lệ phí xét tuyển/thí tuyển: 25.000 đồng /01 thí sinh.

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm.

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/01-30/2/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2026
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/4-30/6/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2026
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 16/7-30/11/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2026

1.12. Thông tin tuyển sinh 2 năm gần nhất

STT					Năm tuyển sinh 2024	Năm tuyển sinh 2025
-----	--	--	--	--	---------------------	---------------------

	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	KTD	Kỹ thuật điện	7520201	Học bạ THPT	30	0		30	0	
2	TDH	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	7520216	Học bạ THPT	30	0		30	0	
3	CDT	Công nghệ KT điện, điện tử	7510301	Học bạ THPT	30	0		30	0	
4	KTM	Kỹ thuật môi trường	7520320	KTM	12	0		12	0	

2. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học kết hợp trực tiếp và từ xa (VLVH) với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

2.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng.
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Nhà trường tuyển sinh trong phạm vi cả nước

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):

Xét tuyển theo kết quả xếp loại của bằng tốt nghiệp cao đẳng.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đại học	7510604	KCN	Kinh tế công nghiệp	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	10
2	Đại học	7520216	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	30
3	Đại học	7520201	KTD	Kỹ thuật điện	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	20
4	Đại học	7510301	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	500	Bằng tốt nghiệp cao đẳng	10

2.5. Ngưỡng đầu vào.

Bằng tốt nghiệp cao đẳng xếp loại từ Trung bình trở lên.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển /thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 01/01/2026 đến 30/11/2026

- Điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

- Hình thức nhận hồ sơ: Thí sinh chọn 1 trong các hình thức sau:

+ Nộp trực tiếp tại Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp (Văn phòng TT - Cổng chính Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp), ĐT: 0912.847.588;

+ Nộp chuyển phát nhanh qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Số 666, đường 3/2, phường Tích Lương, TP. Thái Nguyên.

- Hồ sơ gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

- Bản sao công chứng Bằng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng, cao đẳng nghề.

- Bản sao công chứng căn cước công dân; Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.

- 02 ảnh 3x4.

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Điều kiện xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng.

2.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Lệ phí xét tuyển: 25.000 đồng/01 thí sinh.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành.

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

STT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tuyển sinh đợt 1	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/01-30/2/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 20/3/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/3/2026
2	Tuyển sinh đợt 2	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 01/4-30/6/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 10/7/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 15/7/2026
3	Tuyển sinh đợt 3	- Nhận hồ sơ xét tuyển: 16/7-30/11/2026 - Tổ chức xét tuyển và thông báo kết quả: trước 25/12/2026 - Thí sinh trúng tuyển nhập học: trước 31/12/2026

2.12. Thông tin tuyển sinh 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024			Năm tuyển sinh 2025		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Phương thức khác	0	0	Bằng TN	0	0	Bằng TN
2	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Phương thức khác	20	42	Bằng TN	20	72	Bằng TN
3	KTD	Kỹ thuật điện	7520201	Phương thức khác	15	69	Bằng TN	15	0	Bằng TN
4	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Phương thức khác	15	89	Bằng TN	15	57	Bằng TN

IV. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA

1. Tuyển sinh đại học đào tạo từ xa với đối tượng tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT)

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã tốt nghiệp THPT theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên hoặc tương đương;

- Đáp ứng các quy định về sức khỏe, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo kết quả học bạ THPT.

1.3. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc và nước ngoài.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo từng ngành, từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Đại học	7580201	KXD	Kỹ thuật xây dựng	200	Học bạ THPT	80
2		7510601	QLC	Quản lý CN	200		60
3		7510604	KCN	Kinh tế CN	200		3
4		7220201	NNA	Ngôn ngữ Anh	200		20
5		7480106	KMT	Kỹ thuật máy tính	200		5

1.5. Ngưỡng đầu vào

- Xét tuyển theo tổ hợp kết quả học tập trung bình năm học của 3 môn học lớp 12 THPT theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển:

A00: Toán, Lý, Hóa;

D01: Toán, Văn, Anh;

A01: Toán, Lý, Anh;

D07: Toán, Hóa, Anh;

C01: Toán, Văn, Lý;

D10: Toán, Địa, Anh;

C02: Toán, Văn, Hóa;

D14: Văn, Sử, Anh;

- Trong đó:

+ Ngành Ngôn ngữ Anh xét tuyển theo các tổ hợp: A00, A01, D01, D07, D10, D14;

+ Các ngành Quản lý công nghiệp, Kinh tế công nghiệp xét tuyển theo các tổ hợp: A00, A01, D01, D07;

+ Các ngành còn lại xét tuyển theo các tổ hợp: A00, A01, C01, C02, D01, D07.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn học trong tổ hợp xét tuyển theo thang điểm 10, cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có) theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của năm thực hiện xét tuyển và được làm tròn đến hai chữ số thập phân đạt ngưỡng điểm xét tuyển (thang điểm 30) đối với từng ngành. Trong trường hợp số lượng đăng ký nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường sẽ xét tuyển điểm tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh;

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 của các môn học trong tổ hợp các môn dùng để xét tuyển không nhỏ hơn 15,0 điểm.

1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường.

Đối với người đã tốt nghiệp THPT: thời gian đào tạo từ 4,0 đến 4,5 năm.

1.7. Tổ chức tuyển sinh: điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp THPT và các yêu cầu khác theo quy định.

b) Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển: Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc nộp chuyển phát nhanh đến 1 trong các địa chỉ sau:

❖ *Văn phòng chỉ đạo tuyển sinh:*

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

+ Địa chỉ: Số 666, Đường 3/2, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên; Tel: (84)2083.847.145; Website: <http://tnut.edu.vn>; Email: office@tnut.edu.vn.

- Đơn vị phụ trách Đào tạo từ xa: Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở

+ Địa chỉ: Nhà A6, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Website: <https://etali.edu.vn/>; + Email: etali@tnut.edu.vn

+ Điện thoại: 0336.399.993; 02083.847.886

❖ *Văn phòng hợp tác tuyển sinh:*

Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam

- Tại Thành phố Hà Nội

+ Địa chỉ: Số 116 Trần Vỹ, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội;

+ Website: <https://tnut.vn>; Điện thoại: 0815.674.848

- *Tại Thành phố Hồ Chí Minh*

Địa chỉ: Số 91 Ký Con, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Hồ sơ xét tuyển:

Mỗi thí sinh hoàn thành 02 bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

1. Phiếu đăng ký tham gia học tập (theo mẫu của Trường ĐHKTCN).
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường ĐHKTCN) được điền đầy đủ thông tin, dán ảnh và có xác nhận của chính quyền địa phương/cơ quan đang công tác/văn phòng công chứng.
3. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp THPT đối với đối tượng tốt nghiệp THPT hoặc GDTX hoặc tương đương.
4. Bản sao công chứng học bạ THPT đối với đối tượng tốt nghiệp THPT hoặc GDTX hoặc tương đương.
5. Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.
6. Bản sao công chứng Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu.
7. Ảnh thẻ 3x4cm (02 ảnh), mặt sau ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (không kẻ ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch).

1.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Theo quy định hiện hành

1.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí năm học 2025 - 2026:

- Các ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật máy tính; Ngôn ngữ Anh: 500.000 VNĐ/tín chỉ.
- Các ngành: Quản lý công nghiệp; Ngành Kinh tế công nghiệp: 450.000 VNĐ/tín chỉ.

Mức thu và lộ trình tăng học phí các năm tiếp theo của Trường căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước (sẽ có thông báo sau).

1.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Tuyển sinh thực hiện liên tục trong năm đến khi có Thông tin tuyển sinh của năm tiếp theo, khoảng 6 - 8 đợt xét tuyển chính;

- Trước mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng như Website và các cơ sở phối hợp của Trường, ...; trên cơ sở thông báo của Nhà trường, thí sinh chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo thời gian quy định;

- Trong mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng xét tuyển; dựa trên hồ sơ đăng ký của thí sinh, Hội đồng xét tuyển tiến hành họp để ra quyết định trúng tuyển cho thí sinh.

1.12. CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

Trường hỗ trợ, tư vấn và giải quyết khiếu nại, bảo vệ chính đáng những trường hợp rủi ro trong tuyển sinh.

1.13. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin của CSĐT:
<https://etali.edu.vn/>

2. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp trung cấp

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã có bằng tốt nghiệp Trung cấp;
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự;
- Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo kết quả học tập và kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp Trung cấp.

2.3. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc và nước ngoài.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Đại học	7580201	KXD	Kỹ thuật xây dựng	500	Bằng TN trung cấp	50
2		7510601	QLC	Quản lý CN	500		30
3		7510604	KCN	Kinh tế công nghiệp	500		2
4		7480106	KMT	Kỹ thuật máy tính	500		20

2.5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Bằng tốt nghiệp Trung cấp xếp loại từ trung bình trở lên; trong trường hợp số lượng đăng ký nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường sẽ xét tuyển điểm trung bình toàn khóa từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường

Thời gian đào tạo của Chương trình đào tạo từ xa (ĐTTX) căn cứ vào hồ sơ, văn bằng và bằng điểm của người học khi xét tuyển (tính từ ngày có quyết định công nhận trúng tuyển) và hệ đăng ký đào tạo (Cử nhân, Kỹ sư). Cụ thể như sau:

- + Đối với người đã tốt nghiệp Trung cấp cùng khối ngành: thời gian đào tạo từ 2,0 đến 3,5 năm;
- + Đối với người đã tốt nghiệp Trung cấp không cùng khối ngành: thời gian đào tạo từ 3,0 đến 4,0 năm.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển

- a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp Trung cấp
- b) Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển: Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc nộp chuyển phát nhanh đến 1 trong các địa chỉ sau:

❖ Văn phòng chỉ đạo tuyển sinh:

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
+ Địa chỉ: Số 666, Đường 3/2, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên; Tel: (84)2083.847.145; Website: <http://tnut.edu.vn>; Email: office@tnut.edu.vn.

- Đơn vị phụ trách Đào tạo từ xa: Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở

+ Địa chỉ: Nhà A6, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Website: <https://etali.edu.vn/>; + Email: etali@tnut.edu.vn

+ Điện thoại: 0336.399.993; 02083.847.886

❖ Văn phòng hợp tác tuyển sinh:

Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam

- Tại Thành phố Hà Nội

+ Địa chỉ: Số 116 Trần Vỹ, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội;

+ Website: <https://tnut.vn>; Điện thoại: 0815.674.848

- Tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 91 Ký Con, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Hồ sơ xét tuyển:

Mỗi thí sinh hoàn thành 02 bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

1. Phiếu đăng ký tham gia học tập (theo mẫu của Trường ĐHKTCN).
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường ĐHKTCN) được điền đầy đủ thông tin, dán ảnh và có xác nhận của chính quyền địa phương/cơ quan đang công tác/văn phòng công chứng.
3. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp Trung cấp/Trung cấp nghề.
4. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp THPT.
5. Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.
6. Bản sao công chứng Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu.
7. Ảnh thẻ 3x4cm (02 ảnh), mặt sau ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (không kẻ ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch).

(Tùy từng trường hợp đặc biệt, để có lợi cho người học khi xét phân loại đối tượng có thể yêu cầu nộp bằng điểm Trung cấp).

2.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành

2.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Theo quy định hiện hành

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí năm học 2025 - 2026:

- Các ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật máy tính: 500.000 VNĐ/tín chỉ.

- Các ngành: Quản lý công nghiệp; Ngành Kinh tế công nghiệp: 450.000 VNĐ/tín chỉ.

Mức thu và lộ trình tăng học phí các năm tiếp theo của Trường căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước (sẽ có thông báo sau).

2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Tuyển sinh thực hiện liên tục trong năm đến khi có Thông tin tuyển sinh của năm tiếp theo, khoảng 6 - 8 đợt xét tuyển chính;

- Trước mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng như Website và các cơ sở phối hợp của Trường, ...; trên cơ sở thông báo của Nhà trường, thí sinh chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo thời gian quy định;

- Trong mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng xét tuyển; dựa trên hồ sơ đăng ký của thí sinh, Hội đồng xét tuyển tiến hành họp để ra quyết định trúng tuyển cho thí sinh.

2.12. CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

Trường hỗ trợ, tư vấn và giải quyết khiếu nại, bảo vệ chính đáng những trường hợp rủi ro trong tuyển sinh.

2.13. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin của CSĐT: <https://etali.edu.vn/>

3. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

3.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã có bằng tốt nghiệp Cao đẳng;
- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự;
- Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo kết quả học tập và kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp Cao đẳng.

3.3. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc và nước ngoài.

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Đại học	7580201	KXD	Kỹ thuật xây dựng	500	Bằng TN cao đẳng	70
2		7510601	QLC	Quản lý CN	500		50
3		7510604	KCN	Kinh tế công nghiệp	500		3
4		7220201	NNA	Ngôn ngữ Anh	500		5
5		7480106	KMT	Kỹ thuật máy tính	500		20

3.5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng xếp loại từ trung bình trở lên; trong trường hợp số lượng đăng ký nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường sẽ xét tuyển điểm trung bình toàn khóa từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh.

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường

Thời gian đào tạo của Chương trình ĐTTX căn cứ vào hồ sơ, văn bằng và bảng điểm của người học khi xét tuyển (tính từ ngày có quyết định công nhận trúng tuyển) và hệ đăng ký đào tạo (Cử nhân, Kỹ sư). Cụ thể như sau:

+ Đối với người đã tốt nghiệp Cao đẳng cùng khối ngành: thời gian đào tạo từ 2,0 đến 2,5 năm;

+ Đối với người đã tốt nghiệp Cao đẳng không cùng khối ngành: thời gian đào tạo từ 2,5 đến 3,5 năm.

3.7. Tổ chức tuyển sinh: điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển

a) Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng.

b) Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển: Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc nộp chuyển phát nhanh đến 1 trong các địa chỉ sau:

❖ *Văn phòng chỉ đạo tuyển sinh:*

- *Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp*

+ Địa chỉ: Số 666, Đường 3/2, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên; Tel: (84)2083.847.145; Website: <http://tnut.edu.vn>; Email: office@tnut.edu.vn.

- *Đơn vị phụ trách Đào tạo từ xa: Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở*

+ Địa chỉ: Nhà A6, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Website: <https://etali.edu.vn/>; + Email: etali@tnut.edu.vn

+ Điện thoại: 0336.399.993; 02083.847.886

❖ *Văn phòng hợp tác tuyển sinh:*

Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam

- *Tại Thành phố Hà Nội*

+ Địa chỉ: Số 116 Trần Vỹ, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

+ Website: <https://tnut.vn>; Điện thoại: 0815.674.848

- *Tại Thành phố Hồ Chí Minh*

Địa chỉ: Số 91 Ký Con, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh.

❖ *Hồ sơ xét tuyển:*

Mỗi thí sinh hoàn thành 02 bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

1. Phiếu đăng ký tham gia học tập (theo mẫu của Trường ĐHKTCN).

2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường ĐHKTCN) được điền đầy đủ thông tin, dán ảnh và có xác nhận của chính quyền địa phương/cơ quan đang công tác/văn phòng công chứng.

3. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp Cao đẳng. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp THPT đối với đối tượng tốt nghiệp Cao đẳng nghề.

4. Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.

5. Bản sao công chứng Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu.

6. Ảnh thẻ 3x4cm (02 ảnh), mặt sau ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (không kẻ ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch).

(Tùy vào từng trường hợp đặc biệt, để có lợi cho người học khi xét phân loại đối tượng có thể yêu cầu nộp bằng điểm Cao đẳng).

3.8. *Chính sách ưu tiên:* Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

3.9. *Lệ phí xét tuyển, thi tuyển:* Theo quy định hiện hành

3.10. *Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*
Học phí năm học 2025 - 2026:

- Các ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật máy tính; Ngôn ngữ Anh: 500.000 VNĐ/tín chỉ.

- Các ngành: Quản lý công nghiệp; Ngành Kinh tế công nghiệp: 450.000 VNĐ/tín chỉ.

Mức thu và lộ trình tăng học phí các năm tiếp theo của Trường căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước (sẽ có thông báo sau).

3.11. *Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm*

- Tuyển sinh thực hiện liên tục trong năm đến khi có Thông tin tuyển sinh của năm tiếp theo, khoảng 6 - 8 đợt xét tuyển chính;

- Trước mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng như Website và các cơ sở phối hợp của Trường, ...; trên cơ sở thông báo của Nhà trường, thí sinh chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo thời gian quy định;

- Trong mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng xét tuyển; dựa trên hồ sơ đăng ký của thí sinh, Hội đồng xét tuyển tiến hành họp để ra quyết định trúng tuyển cho thí sinh.

3.12. *CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro*

Trường hỗ trợ, tư vấn và giải quyết khiếu nại, bảo vệ chính đáng những trường hợp rủi ro trong tuyển sinh.

3.13. *Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành)*

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin của CSĐT:
<https://etali.edu.vn/>

4. Tuyển sinh đào tạo liên thông đại học với đối tượng tốt nghiệp đại học

4.1. *Đối tượng, điều kiện dự tuyển*

- Người đã có bằng Đại học ngành khác;

- Không vi phạm pháp luật hoặc không trong thời gian thi hành án hoặc không vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự;

- Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Các điều kiện dự tuyển khác theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Mô tả phương thức tuyển sinh:

Xét tuyển theo kết quả học tập và kết quả xếp loại bằng tốt nghiệp Đại học.

4.3. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc và nước ngoài.

4.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Đại học	7580201	KXD	Kỹ thuật xây dựng	500	Bảng TN đại học thứ nhất	200
2		7510601	QLC	Quản lý CN	500		10
3		7510604	KCN	Kinh tế công nghiệp	500		2
4		7220201	NNA	Ngôn ngữ Anh	500		115
5		7480106	KMT	Kỹ thuật máy tính	500		5

4.5. Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng: Bằng tốt nghiệp Đại học xếp loại từ trung bình trở lên; trong trường hợp số lượng đăng ký nhiều hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường sẽ xét tuyển điểm trung bình toàn khóa từ cao xuống thấp đến khi hết chỉ tiêu tuyển sinh.

4.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của Trường.

Thời gian đào tạo của Chương trình ĐTTX căn cứ vào hồ sơ, văn bằng và bảng điểm của người học khi xét tuyển (tính từ ngày có quyết định công nhận trúng tuyển) và hệ đăng ký đào tạo (Cử nhân, Kỹ sư). Cụ thể như sau:

- + Đối với người đã tốt nghiệp Đại học cùng khối ngành: thời gian đào tạo từ 2,0 đến 2,5 năm;
- + Đối với người đã tốt nghiệp Đại học không cùng khối ngành: thời gian đào tạo từ 2,5 đến 3,0 năm.

4.7. Tổ chức tuyển sinh: điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển, hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển.

- a) Điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển: Có bằng tốt nghiệp Đại học.
- b) Hình thức nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển: Thí sinh có thể nộp trực tiếp hoặc nộp chuyển phát nhanh đến 1 trong các địa chỉ sau:

❖ Văn phòng chỉ đạo tuyển sinh:

- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

+ Địa chỉ: Số 666, Đường 3/2, phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên; Tel: (84)2083.847.145; Website: <http://tnut.edu.vn>; Email: office@tnut.edu.vn.

- Đơn vị phụ trách Đào tạo từ xa: Viện Công nghệ Giáo dục và Đào tạo mở

+ Địa chỉ: Nhà A6, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp;

+ Website: <https://etali.edu.vn/>; + Email: etali@tnut.edu.vn

+ Điện thoại: 0336.399.993; 02083.847.886

❖ Văn phòng hợp tác tuyển sinh:

Công ty Cổ phần tư vấn dịch vụ đào tạo AUM Việt Nam

- Tại Thành phố Hà Nội

+ Địa chỉ: Số 116 Trần Vỹ, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội;

+ Website: <https://tnut.vn>; Điện thoại: 0815.674.848

- Tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 91 Ký Con, phường Bến Thành, thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Hồ sơ xét tuyển:

Mỗi thí sinh hoàn thành 02 bộ hồ sơ xét tuyển bao gồm:

1. Phiếu đăng ký tham gia học tập (theo mẫu của Trường ĐHKTCN).
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu của Trường ĐHKTCN) được điền đầy đủ thông tin, dán ảnh và có xác nhận của chính quyền địa phương/cơ quan đang công tác/văn phòng công chứng.
3. Bản sao công chứng văn bằng tốt nghiệp Đại học.
4. Giấy khai sinh bản sao hoặc công chứng.
5. Bản sao công chứng Căn cước công dân/Căn cước/Hộ chiếu.
6. Ảnh thẻ 3x4cm (02 ảnh), mặt sau ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh (không kẻ ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch).

(Tùy vào từng trường hợp đặc biệt, để có lợi cho người học khi xét phân loại đối tượng có thể yêu cầu nộp bằng điểm Đại học).

4.8. Chính sách ưu tiên: Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

4.9. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Theo quy định hiện hành

4.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Học phí năm học 2025 - 2026:

- Các ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật máy tính; Ngôn ngữ Anh: 500.000 VNĐ/tín chỉ.

- Các ngành: Quản lý công nghiệp; Ngành Kinh tế công nghiệp: 450.000 VNĐ/tín chỉ.

Mức thu và lộ trình tăng học phí các năm tiếp theo của Trường căn cứ vào các quy định hiện hành của Nhà nước (sẽ có thông báo sau).

4.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Tuyển sinh thực hiện liên tục trong năm đến khi có Thông tin tuyển sinh của năm tiếp theo, khoảng 6 - 8 đợt xét tuyển chính;

- Trước mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng như Website và các cơ sở phối hợp của Trường, ...; trên cơ sở thông báo của Nhà trường, thí sinh chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển theo thời gian quy định;

- Trong mỗi đợt xét tuyển, Nhà trường sẽ thành lập Hội đồng xét tuyển; dựa trên hồ sơ đăng ký của thí sinh, Hội đồng xét tuyển tiến hành họp để ra quyết định trúng tuyển cho thí sinh.

4.12. CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh, giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro

Trường hỗ trợ, tư vấn và giải quyết khiếu nại, bảo vệ chính đáng những trường hợp rủi ro trong tuyển sinh.

4.13. Các nội dung khác (không trái với quy định hiện hành) Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin của CSĐT: <https://etali.edu.vn/>

5. Thông tin tuyển sinh 2 năm gần nhất

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên phương thức xét tuyển	Năm tuyển sinh 2024			Năm tuyển sinh 2025		
					Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	KXD	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Học bạ, khác	600	472	15, Bằng TN	700	681	12 và 14,4 điểm, Bằng TN
2	QLC	Quản lý CN	7510601	Học bạ, khác	450	92	15, Bằng TN	300	187	12 và 14,4 điểm, Bằng TN
3	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Học bạ, khác	450	20	15, Bằng TN	150	30	12 và 14,4 điểm, Bằng TN
4	NNA	Ngôn ngữ Anh	7220201	Học bạ, khác	400	28	15, Bằng TN	400	127	12 và 14,4 điểm, Bằng TN
5	KMT	Kỹ thuật máy tính	7480106	Học bạ, khác	0	0		300	91	12 và 14,4 điểm, Bằng TN

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Cán bộ tuyển sinh

HIỆU TRƯỞNG

TS. Đặng Danh Hoàng

PGS.TS. Ngô Như Khoa

Điện thoại: 0912.847.588

Email: hoangktd1977@tnut.edu.vn